T017 BD VIII 212-Q3-P1 Vô Thường-Kinh Xuất Diệu

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

KINH XUẤT DIỆU QUYỂN 3 PHẨM 1: VÔ THƯỜNG (PHẦN 3)

Dù sống trăm tuổi Rồi cũng chết đi Bị già ép ngặt Bệnh khổ tột cùng. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Ngài giảng nói rộng giáo pháp cho các loài chúng sinh Trời, Người, Rồng, Quỷ. Lúc bấy giờ mẹ vua Ba-tư-nặc già hơn một trăm hai mươi tuổi bỗng bị bệnh nặng không thuốc men nào trị lành, cúng vái thánh thần cũng không cứu được, nên mấy hôm sau thì bà qua đời. Vua và các quan chôn cất bà theo pháp luật của triều đình, với dầu, bơ, hương hoa, các thứ cúng dường. Vua an trí thi hài bà trong thần miếu, cắt người trông coi cúng bái, canh giữ. Tang lễ xong, trên đường về, vua ghé qua chỗ Đức Phật, giữ đúng theo phép vua, ngài và các quan cởi bỏ năm thứ trang sức, tiến đến làm lễ dưới chân Phật. Đức Phật mời vua ngồi rồi hỏi: – Vua đến đây với y phục còn lấm bụi, thân hình thay đổi. Có chuyện chi mà đến đổi như vậy? Vua bạch Phật: – Quốc thái phu nhân hơn một trăm hai mươi tuổi của con bỗng bị bệnh nặng rồi qua đời. Con đưa linh cữu người tẩn táng vừa xong, trên đường trở về, con ghé qua kính viếng Thế Tôn. Đức Phật dùng Tam đạt trí biết việc ấy liền hỏi vua: – Thế nào đại vương, người sinh ra trên đời này, có ai sống hoài chẳng chết không? Vua bạch Phật: – Người ta sinh ra trên cõi đời này không ai là không chết. Đức Phật bảo vua: – Từ xưa đến nay, có năm thứ đáng sợ mà không ai tránh khỏi. Một là không ai tránh khỏi cái già, hai là không ai tránh được bệnh hoạn, ba là không ai trốn tránh được chết, bốn là không ai trốn tránh khỏi sự hao mòn, năm là không ai tránh khỏi sự chấm dứt. Thế đó đại vương, là năm thứ không ai tránh khỏi. Nó không chờ đợi ai, muôn vật là vô thường, khó giữ lâu được. Một ngày qua đi, mạng sống con người cũng thế, như năm dòng sông miệt mài ch ảy suốt đêm ngày không ngừng nghỉ. Mạng sống con người cũng trôi qua mau như vậy. Lúc bấy giờ Đức Phật lần lượt nói pháp nhiệm mầu cho vua Ba-tư-nặc nghe; giảng nói về điều cốt yếu của lòng tin không lui sụt, như nói về bố thí, giữ giới thì được sinh lên cõi trời còn nếu nghĩ những việc dâm dục bất tịnh thì phải rơi vào đại họa.

Đức Phật nói với vua: – Đại vương nên biết, sinh là có già, bệnh phải héo xấu, có hội ngộ thì có chia lìa, đó là lẽ thường trong đời. Mạng sống con người qua mau như tia chớp, như đập đá nháng lửa, nào có gì đáng vui. Là pháp suy hao, biến đổi mà lại muốn cho tồn tại lâu dài thì không thể có được. Khi ấy, nhân sự việc trên, Đức Thế Tôn thấu suốt gốc ngọn, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Ngài liền ở trước đại chúng nói bài kệ này cho vua Ba-tư-nặc nghe: Dù sống trăm tuổi Rồi cũng chết đi Bị già ép ngặt Bệnh khổ tột cùng. Đức Phật bảo nhà vua: – Này đại vương, cuộc đời này có những việc ấy, không còn gì thường còn, tất cả đều trở về với sự chết. Không ai thoát khỏi. Từ ngàn xưa, như bậc vua chúa, chư Phật, các vị chân nhân, các vị tiên đã chứng được năm thứ thần thông, tất cả đều đã đi qua, không còn ai tồn tại được. Đừng buồn rầu thương tiếc người chết một cách vô ích mà hãy vì họ làm những việc phước lành, không biết mệt mỏi. Phước ấy theo người chết như thực phẩm đối với người làm ruộng. Nhân sự việc này vua nên

làm các việc phước lành. Phước giúp đỡ người như người nương gậy cứng mà bước đi. Đức Phật giảng xong thì vua cùng bốn chúng và những vị đã đến tham dự pháp hội đều vui mừng, quên hết mọi ưu phiền, thoạt nhiên khai ngộ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi ba vòng quanh Đức Phật, rồi làm lễ mà ra về.

Ngày nay đã qua Mạng sống giảm theo Như cá cạn nước Nào có vui gì. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, biển lớn ở phía Nam sóng thần bỗng dâng cao dữ dội, có ba con cá to vượt khỏi vùng biển bơi ngược lên nguồn thượng, sống trong khoảng nước cạn. Chúng bảo nhau: “Ba đứa chúng ta sống chết nguy hiểm, hiện giờ nước tràn chưa rút, ta hãy mau bơi ngược lên thượng nguồn trở về biển”. Nhưng rồi có một chiếc thuyền chắn ngang, khiến chúng không lội qua được. Con cá thứ nhất dùng hết sức lực phóng qua được chiếc thuyền, con cá thứ hai lại nương vào đám cỏ mà vượt qua được, con cá thứ ba thì yếu sức không qua nổi nên bị người câu cá bắt được. Lúc ấy, người câu cá nói bài kệ: Cá thứ nhất không thế Ắt sẽ bị nguy hại Nương vào đám cỏ dại Mạng nó được thoát chết.

Con thứ hai cũng thoát Nên thảnh thơi bơi lội. Ngu ở eo nước cạn Đành bị người câu bắt. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết thấy ba con cá kia nhảy sóng thoát thân, nhưng hai con thoát được sống, một con mắc cạn. Lại thấy người câu cá làm bài kệ ấy. Nhân sự việc ấy, Đức Thế Tôn suy tìm cội nguồn, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau và muốn cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian này, Ngài liền nhóm họp đại chúng mà nói kệ rằng: Ngày nay đã qua Mạng sống giảm theo Như cá cạn nước Nào có vui gì? Nói ngày nay đã qua là kể từ hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ dù trẻ tuổi, trung niên hay già nua đều sống ngang nhau trong thời hạn một ngày ấy. Ai cũng bị tổn giảm bởi sự trôi chảy của ngày đêm không ngừng nghỉ. Thân mạng thay đổi, khí lực suy yếu. Sự biến đổi ấy mau chóng hơn cá trong hồ cạn nước. Hoặc như các loài chim đang bay trên lưng trời như chim đào sông, chim cốt trắng, chim quán, chim sẻ xanh, hạc nước, quạ, gà ô, cũng đều bị thợ săn, gái trai ở đời đuổi vào lưới rập bắt, hoặc bắt bằng lưỡi câu có mồi. Sống ở chỗ nước cạn thì suốt cuộc đời cả vạn nỗi lo. Sinh ra trong nước thì chết trong nước. Khổ nạn đầy dẫy, có gì đáng vui? Cho nên nói: Như cá cạn nước Nào có vui gì? Đi chẳng trở về Đêm ngày gắng sức Như cá bị nướng Sống khổ, chết nạn. Thuở ấy, Đức Phật ngự tại đạo tràng Thiện thắng, nước Ma-kiệt-đà. Ở đây, các nhà tu hành nhóm họp ở trên núi cao, hoặc ẩn mình trong hang sâu không xuất hiện, nhưng các người tu hành kia, luôn luôn hành đạo, xem xét thời tiết. Khi tiết xuân về khắp nơi cây cối đâm chồi nảy lộc, lấp lánh như thủy tinh, dần dần nở ra những cánh hoa rực rỡ. Các khe suối nước chảy trong vắt, lặng yên không tiếng động. Lúc ấy vị đạo sĩ trong tâm tự nghĩ: “Thời gian không thể vay mượn, muôn vật đều sống”. Lúc bấy giờ, người tu hành xuống núi vào xóm làng, khất thực từng nhà, ông thấy gái trai ai nấy ăn uống linh đình cùng nhau vui chơi. Vị tu hành hỏi: – Họ là ai vậy? Người kia đáp: – Ở nhà đó, làng đó, tên họ như vầy, con nhà đó, do cha mẹ nọ sinh ra. Lúc ấy, vị tu hành tự nghĩ: “Hiện giờ muôn vật này đều đang đâm chồi nảy lộc, biết rằng

muôn vật lớn lên từng ngày. Ta phải trở về núi vắng, lặng yên mà tu hành". Mỗi khi tiết thu sang, vị tu hành lại xuống núi vào xóm làng khất thực từng nhà, thấy các cây cối đều trụi lá. Sương tuyết bao phủ, lá rụng cứng đờ. Ông lại thấy các khe lạch nước bị khô cạn, cứng ngắt đến nỗi ngón tay chọt không lủng. Lúc ấy vị tu hành này trong tâm tự nghĩ: "Hiện nay, bên ngoài muôn vật đang điêu tàn, rơi rụng, không còn sum suê. Chân thật thay, lời nói ấy!" Ông lại thấy trong thôn xóm, thành quách, gái trai lớn bé dắt dìu nhau đi, gục đầu xõa tóc, đấm ngực lớn tiếng kêu khóc không thôi. Bấy giờ vị tu hành hỏi họ: – Người ấy là ai mà buồn thương, kêu khóc thảm thiết như thế? Họ trả lời: – Thôn đó, nhà đó, con trai chết, con gái chết, hoặc cha mẹ qua đời, thế nên người trong thôn xóm buồn khóc như thế. Nghe nói vậy, vị tu hành tự suy nghĩ: "Hiện nay, trong lòng người cũng đang điêu tàn. Vậy nên biết rằng dù bên trong hay bên ngoài, mọi vật đều đi tới sự hao mòn suy kém." Đạo nhân bèn trở về núi sâu, ngồi kiết già tư duy. Có lúc ông ngồi trên giường dây, có lúc ông ngồi dưới gốc cây, với tâm ý chuyên nhất không khởi loạn tưởng. Ngài quán xét tính chất trong ngoài đều vô thường, bèn khởi ý tưởng mặt trời xoay chuyển không ngừng. Mặt trời xoay chuyển là gì? Là tính từ mùa xuân đến mùa thu, từ mùa thu đến năm, tính từ năm đến tháng, tính từ một tháng đến nửa tháng, tính từ nửa tháng đến vài ngày, tính từ vài ngày đến giờ, tính từ giờ đến ngày đêm, tính ngày đêm đến sự chuyển động, tính từ chuyển động đến hơi thở ra vào, tính hơi thở ra vào đến tận vô dư, cho đến hết tận, mới biết là tận không, muôn vật không có. Khi đã biết không có thì biết được cái gì khởi dậy từ cái gốc diệt, cũng kh ông dấu vết. Thỉnh thoảng người tu hành hạnh khởi lên dấu vết diệt, không có dấu vết, mới giác ngộ rằng tất cả Như Lai không thường còn, cũng không có hang ổ gì. Có lúc người hành quán xét những việc đã làm từ trước, trải bao tháng ngày mới tiêu diệt hết, nhớ lại lời Phật dạy: "Như Lai cũng nói vô thường là khổ". Bấy giờ, vị tu hành ấy suy nghĩ rằng: "Sinh tử như vậy, ai dám khẳng định là vui?" Tâm đã chán ngán, không để mình bị dính trong bốn cuồng lưu tham ái, mong đến Niết-bàn, chóng được diệt độ. Trong thời gian đó chứng được các quả Tu- đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết mà thấy người tu hành ấy đang ở trong núi sâu, siêng năng tu đạo không làm dứt mất dòng Thánh, từ sự việc ấy, tìm tới ngọn ngành, vì muốn chỉ bày ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Đức Phật nhóm họp đại chúng mà nói bài kệ: Đi chẳng trở về Đêm ngày gắng sức Như cá bị nướng Sống khổ, chết nạn.

Đời người tựa ngày đêm Hoặc dừng hay đi khắp Như dòng sông chảy xiết

Trôi xuôi không ngược dòng. Thuở ấy Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Các Đức Phật, Thế Tôn thường khi thuyết pháp là quán xét tâm ý người tùy lúc, tùy hoàn cảnh thích đáng. Các Ngài nhận thấy: Có chúng sinh cho thân mình là thường. Thân năm ấm này hôm qua và ngày nay không có gì đổi khác. Kẻ ngu tâm ý mê mờ nên mới cho rằng thân năm ấm không bị già suy giống như dòng sông chảy xiết, dòng nước chảy trước không phải là dòng nước chảy sau, dòng nước chảy sau không phải là dòng nước chảy trước. Đi thì đi mãi tới thì cũng chẳng ngừng, đời người cũng như thế, cuộc sống trước không giống cuộc sống sau, cuộc sống sau không giống cuộc sống trước. Những ai tu tập công đức như hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo- ni,

Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di quán thân bốn đại này đổi thay mau chóng như nước sông chảy xiết, suy nghĩ rõ ràng để đạt đến cảnh giới vô lậu. Hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thì chứng quả Tu-đà- hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thì chứng quả A-la-hán. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh không chút tì vết, thấy bốn bộ chúng phân biệt rõ về thân năm ấm sẽ đi về dâu. Bấy giờ Thế Tôn tìm tới ngọn ngành của sự việc, làm ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Ngài nhóm họp chúng Tăng mà nói bài kệ: Đời người tựa ngày đêm Hoặc dừng hay đi khắp Như dòng sông chảy xiết Trôi xuôi không ngược dòng. Bốn bộ chúng nghe lời Phật dạy, vui mừng mà lui ra.

Già thì thân suy Bệnh mà qua đời Thân xác mục rã Chết lẽ tất nhiên. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong đại giảng đường Phổ tập, bên cạnh ao Di hầu, thuộc thành Tỳ-xá-ly. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: – Hoặc có chúng sinh tự cậy vào sức trai trẻ, không ai địch nổi, hoặc có người ỷ rằng mình chưa hề bệnh hoạn mà cho rằng mình mạnh khỏe mãi, hoặc có người cậy vào tiền của giàu có vô lượng, hoặc có người cậy vào dòng họ giàu sang đầy đủ. Hoặc có người già sống trong đại chúng bị chê bai là đồ bỏ đi. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán xét tâm ý con người thường vướng vào phải, trái. Muốn giúp cho chúng sinh sửa đổi lỗi lầm nên Ngài nói bài kệ này. Lúc ấy các chàng thanh niên thành Tỳ-xá-ly nghe lời dạy ấy thì có người sinh khởi ý niệm vô thường, vô ngã. Người khác thì sinh khởi ý niệm về bất tịnh, chỉ quán. Có người thì có ý niệm về An ban thủ ý, hay Đảnh pháp, Noãn pháp, Nhẫn pháp, Thế gian đệ nhất pháp. Có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà- hàm. Có người phát tâm cầu đạo Vô thượng, hoặc có người cầu đạo Bích-chi-phật, đạo A-la- hán.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng bài kệ này giáo hóa vô số thanh niên thành Tỳ -xá-ly. Nhân sự việc này, muốn tìm ngọn ngành, muốn làm ngọn đèn sáng cho đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Đức Phật ở trước đại chúng nói bài kệ: Già thì thân suy Bệnh mà qua đời Thân xác mục rã Chết lẽ tất nhiên. Nghe Đức Phật nói xong, các thanh niên Tỳ-xá-ly làm lễ rồi ra về.

Thân này không bền Trở về với đất Thần thức lìa rồi Chỉ còn bộ xương. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Cam-lê, thành Tỳ-xá-ly. Lúc ấy có nàng A-phạm- hòa-lợi tự cậy vào sắc đẹp trên đời không hai của mình. Nếu so lên thì bằng Tiên nữ còn so xuống thì vượt hết mọi người. Thân tướng xinh xắn đẹp đẽ, nhìn mãi không biết chán. Lại thêm của tiền trong nhà thì không thể tính kể với ngọc ngà bảy báu tràn đầy. Lúc bấy giờ A-phạm-hòa-lợi sửa soạn một chiếc xe sang trọng, nàng tự trang điểm lộng lẫy, tắm gội bằng nước hoa thơm, rồi nàng đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên. Lúc ấy, có rất nhiều Tỳ-kheo lòng còn là phàm phu chưa đoạn ái dục, khi thấy A-phạm-hòa-lợi đến chỗ Phật thì động tâm ái dục, nổi dậy ý nghĩ bất tịnh. Đức Phật biết tâm ý họ, Ngài liền bảo: – Thế nào các thầy Tỳ-kheo, A-phạm-hòa-lợi với thân bốn đại hôi hám, là vật dơ bẩn, không có gì đáng ham muốn cả. Các thầy nên biết, cô A-phạm-hòa-lợi sẽ sống không lâu. Quả nhiên, khi nàng đang nằm trên giường cao sang rộng đẹp với y phục thơm ngát đáng giá cả một ức, bỗng nhiên nàng qua đời trên chiếc giường cao sang ấy, rồi thi thể được đem ra gò mả cách đó một do-tuần. Lúc ấy,

nghe vậy, các thầy Tỳ-kheo lấy làm ngạc nhiên. Cái chết sao mà đến quá nhanh, không kể già hay trẻ. Người này xinh đẹp trên đời ít có, nay thân hình kiều diễm ấy bị đem vất bỏ ngoài gò mả. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhân sự việc ấy thấu suốt ngọn ngành, muốn làm ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Đức Phật liền ở trước đại chúng nói bài kệ này. Trong bốn bộ chúng, sau khi nghe dạy bài kệ này, có người chợt sinh khởi ý niệm vô thường, vô ngã, người khác thì sinh khởi ý niệm về bất tịnh quán, chỉ quán. Có người thì có ý niệm về An ban thủ ý, hay Đảnh pháp, Noãn pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp. Có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, có người phát tâm cầu đạo Vô thượng. Có người cầu đạo Bích-chi-phật, đạo A-la-hán. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng bài kệ này giáo hóa vô số thanh niên thành Tỳ-xá-ly. Vì nhân duyên ấy, Ngài nói bài kệ: Thân không bền lâu Trở về với đất

Thần thức lìa rồi Chỉ còn bộ xương. Lúc bấy giờ các đại chúng nghe lời Phật dạy, vui mừng mà ra về.

Thân chẳng giá trị Chỗ rịn hôi thối Bị bệnh ép ngặt Thêm khổ già chết. Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Ni-câu-loại, thuộc nước Ca-duy-la. Người dân nước này thường ỷ cậy vào dòng họ giàu có, thân thể luôn khỏe mạnh cường tráng. Tự khoe khoang việc làm của mình trên đời không ai sánh kịp. Trong bọn họ có một người thuộc dòng dõi khỏe mạnh, nhưng thân anh ta bỗng nổi ghẻ lở, máu tanh rịn chảy ra ngày đêm không ngừng, hôi thối dơ bẩn, khiến anh đau nhức khổ não, hễ ai thấy thì đều gớm ghiếc bịt mũi. Biết rõ tâm trạng anh ấy nên Đức Phật bảo: – Hễ sống làm người cùng mang thân bốn đại này, thì sáu giác quan tuôn ra chất nước dơ, thân của tất cả mọi người đều giống như căn nhà chứa đầy khổ loạn, đâu có lúc nào dứt được muôn mối khổ não lo buồn. Lúc ấy những người thuộc dòng họ Thích nghe Đức Phật dạy như vậy thì có người chợt sinh khởi niệm vô thường, vô ngã, người khác thì sinh khởi ý niệm bất tịnh, chỉ quán. Có người thì có ý niệm An ban thủ ý, hay Đảnh pháp, Noãn pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp. Có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, có người phát tâm cầu đạo Vô thượng. Có người cầu đạo Bích-chi-phật, đạo A-la-hán. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng bài kệ này giáo hóa những người trong dòng họ Thích.

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một vị trưởng giả thỉnh Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng đến nhà ông thọ thực. Đến giờ, các thầy Tỳ-kheo đến nhà ông, riêng Đức Phật thì không đến, có người mang phần thức ăn về cho Ngài. Sở dĩ Như Lai nhờ người mang thức ăn về cho Ngài là vì có hai nguyên do: Một là Đức Phật muốn nói pháp cho các trời nghe, hai là Ngài muốn săn sóc người bệnh. Sau khi thấy các Tỳ-kheo đã đi thọ thỉnh, Đức Phật lấy chìa khóa lớn mở cửa một phòng thì Ngài thấy một thầy Tỳ-kheo bị bệnh rất nặng, nằm tại chỗ mà đại tiểu tiện, không nghiêng mình xoay trở gì được. Đức Thế Tôn đã biết nhưng cố hỏi: – Thầy bệnh gì mà nằm trên giường đại tiểu tiện tại chỗ, không xoay trở gì được như thế? Thầy Tỳ-kheo ấy vốn tính chân chất thực thà, lòng không chút gian dối, trả lời Đức Phật: – Bản tính con ngu tối, lại thêm lười biếng, khinh mạn, từ bao lâu nay con không hề chăm sóc giúp đỡ ngó ngàng đến ai, thế nên giờ đây không ai chăm sóc con. Giờ đây,

con hết sức cô đơn, không người nương cậy. Bấy giờ Đức Thế Tôn cúi xuống ẵm thầy Tỳ-kheo ra khỏi phòng, rồi Ngài dọn sạch đồ

bất tịnh, giặt giũ đồ ngồi, lại lấy nước sạch tắm rửa thầy Tỳ-kheo này, thay y phục, trải đồ ngồi mới, rồi nâng thầy Tỳ-kheo này đặt lại trong phòng như cũ. Đức Như Lai dang tay làm gối, rồi bảo thầy Tỳ-kheo ấy: – Thầy không siêng năng cầu pháp tăng thượng. Nếu siêng năng cầu pháp tăng thượng thì ai chưa đạt sẽ đạt, ai chưa được pháp thì sẽ được pháp, ai chưa chứng quả thì sẽ chứng quả. Nếu ai không hết lòng lãnh thọ pháp này thì chịu nhiều khổ não dữ dội! Bấy giờ, Đức Phật lần lượt nói với thầy Tỳ-kheo các pháp rất nhiệm mầu. Ngài dùng mọi cách để khiến thầy Tỳ-kheo siêng năng suy nghĩ về đạo đức. Nói xong, Đức Phật liền đứng dậy, trở về phòng, khép cửa lại. Sau đó, Ngài đến giảng đường Phổ hội và bảo các thị giả: – Các ông nên mau chóng đi mời tất cả các thầy Tỳ-kheo có mặt trong thành Xá-vệ này mau nhóm họp tại giảng đường Phổ hội. Sau khi chúng Tỳ-kheo đã nhóm họp, Đức Phật liền dạy: – Này các thầy Tỳ-kheo, hiện giờ ở đây các thầy không có cha mẹ, anh em, cũng không có chị em gái, cũng không có bà con họ hàng, nếu không chăm sóc cho nhau, không quan tâm đến nhau thì thật không nên. Rồi đây, hàng ngoại đạo, dị học, Phạm chí mà nghe biết được, họ sẽ chê cười chúng ta rằng: “Sa-môn của Cù-đàm không có mảy may tâm xót thương, coi mạng sống con người như sỏi đá. Kẻ bệnh nặng gần chết vẫn không ai chăm nom, săn sóc!” Trong khi đó, pháp của Ta thì trang nghiêm, trên dưới hòa thuận. Nếu các thầy vô tình như thế thì đã làm sai lệch pháp chế của Ta. Vậy từ nay trở đi, đệ tử hầu thầy phải kính thờ thầy như cha mẹ, đến chết cũng không bỏ thầy. Còn thầy thì coi đệ tử như hơi thở của mình, lúc nào cũng giữ gìn hơi thở, đến chết cũng không rời bỏ. Thầy trò kính thương lẫn nhau, nghĩa ân suốt kiếp. Mọi vật dụng có được thì chia nhau bình đẳng. Nếu không có vật dụng cần thiết thì đến nhà tín thí, khuyến khích họ tu phước. Nếu ít người quen biết thì nên đến những nhà buôn bán, mà khất thực. Khất thực có món ngon thì đem về cho người bệnh, còn món dở thì mình ăn. Ai chăm sóc người bệnh là chăm sóc cho chính mình. Công đức của việc làm ấy không sai chạy. Nói về thầy Tỳ-kheo bệnh nặng kia, sau khi Đức Thế Tôn ra khỏi phòng không bao lâu, thầy ấy liền suy nghĩ: “Thân bốn đại này chính là nơi nhóm họp của bao thứ khổ, thế thì có giá trị gì đâu, nó luôn rịn ra những chất dơ bẩn. Bị bệnh ép ngặt, không thoát khỏi già chết. Nay ta phải hết sức cẩn trọng tu hành theo lời Phật dạy.” Ngay lúc ấy thầy Tỳ-kheo này xả bỏ thân mạng, nhập Niết-bàn vô dư. Lúc bấy giờ, có rất nhiều vị Tỳ-kheo lấy chìa khóa mở cửa phòng thì thấy thầy Tỳ-kheo ấy đã qua đời. Các thầy cùng đến bạch Phật: – Thầy Tỳ-kheo bị bệnh nặng kia đã chết rồi. Không biết thần thức thầy sinh về đâu, thuộc đường nào trong sáu cõi? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: – Thầy Tỳ-kheo bệnh ấy vốn chứa nhóm nhiều hạnh lành, Ta vừa giảng pháp cho thầy nghe thì tâm ý thầy liền mở tỏ. Sau đó, thầy phát tâm mạnh mẽ quán pháp từ cạn tới sâu rành mạch thứ lớp. Thầy Tỳ-kheo có dòng dõi cao quý ấy giờ đã nhập Niết-bàn. Các thầy nên cúng dường xá-lợi thầy Tỳ-kheo ấy. Sau khi quán xét ý nghĩa ấy, muốn chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, làm ngọn đèn

sáng lớn cho chúng sinh đời sau, nên Đức Thế Tôn ở trước đại chúng nói bài kệ:

Thân chẳng giá trị

Chỗ rịn hôi thối
Bị bệnh ép ngặt
Thêm khổ già chết.
Đại chúng nghe pháp xong, vui mừng thực hành.
Thân rịn chất hôi thối Các bệnh tật nhóm họp Không hoạn, vắng lặng nhất An ổn dừng nghỉ mãi. Thân rịn chất hôi thối: Những chất nhơ bẩn của thân thì không ai thích nhìn thấy. Như các thứ ghẻ lở đau nhức, luôn tươm ra các chất nhơ bẩn, chúng đứng đầu các thứ bất tịnh. Pháp vô thường biến đổi sẽ bị tan biến. Trong các thứ khổ não thì thân này là khổ nhất. Nên tìm phương tiện tốt nhất để thoát ra khỏi thân bốn đại này. Phải giỏi tìm được trí tuệ để ra khỏi ba cõi, tất cả các khổ não đều dứt hết, nên gọi là tận, đã rỗng không thì vắng lặng, cũng không còn hai bên: sinh và diệt, dính mắc hay cắt đứt. Không hoạn, vắng lặng nhất, an ổn không còn ý niệm buồn hay vui, một sự an ổn dừng nghỉ hoàn toàn, vắng lặng bậc nhất, nhập Niết-bàn vô dư. Lúc ấy những người trong hội nghe Đức Phật nói nghĩa này, đều vui mừng tin nhận, làm lễ Phật rồi lui.

Nắng nóng cũng thế Tuyết lạnh cũng vậy Kẻ ngu lo toan Nào biết thay đổi. Ngày xưa, có vị trưởng giả xây cất nhiều nhà cửa, xuân, hạ, thu, đông đều xây nhà, mặc tình làm theo ý mình, không giữ giới cấm. Ba tháng trong năm, sau này mỗi tháng đều phớt lờ không dè chừng gì cả. Tiền của vô số, nhưng lại rất keo kiệt không hề bố thí cho ai, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không tin rằng có đời này, đời sau, mặc tình buông lung, tham lam keo kiệt khó giáo hóa. Không biết đạo đức, không màng đến vô thường, ông thích cất nhà đẹp, lầu trước dinh sau, nhà hóng mát, nhà ấm cho mùa đông, tòa dọc tòa ngang hơn mười dãy tòa. Thời tiết gió lạnh cắt da nên ông quá đời. Đức Phật dùng Thiên nhãn thanh tịnh không chút tì vết, Ngài thấy ông trưởng giả đột nhiên qua đời. Trong những ngày còn sống, ông không có lòng thương người, ban bố cho chúng sinh, chỉ có việc bắt người khác phải làm việc nặng nhọc. Ý muốn xây thành quách quy mô rốt cuộc nào được mãn nguyện! Bấy giờ, ở trước đại chúng, Đức Phật muốn chỉ bày nghĩa ấy, nêu lên nguồn cội, cũng muốn chúng sinh đời sau thấu hiểu vô ngại, lại muốn nêu lên cái đáng khen thì được chính miệng thần của chư Phật, Thế Tôn hiện tại, quá khứ khen tặng, cũng khiến cho chánh pháp tồn

tại lâu dài trên thế gian nên Đức Phật liền nhóm họp đại chúng mà nói kệ:
Nắng nóng cũng thế
Tuyết lạnh cũng vậy
Kẻ ngu lo toan
Nào biết thay đổi.
Bấy giờ những người trong hội nghe lời Đức Phật dạy liền vui mừng thực hành.
Sinh con mừng vui, Thương yêu không rời Kẻ say gặp lũ Phải bị chết chìm. Ngày xưa, có một cư sĩ tiền của giàu có vô số, kho tàng đầy ngập bảy báu, có đủ bảy báu như vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách. Tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, lúa thóc chứa đầy kho lẫm, không thiếu thứ gì. Chỉ thiếu có một điều, ấy là không có con nối dõi tông đường mà thôi. Để sinh được con, ông bà đi cầu khẩn cúng vái khắp các Thần linh. Trên thì ông lạy lục các thần như thần coi nhà cửa, thần coi thành, thần coi bậc thềm,

thần coi bờ ruộng, ông cũng quỳ lạy các thần tổ tiên, ông bà cha mẹ, thần núi, thần cây, thần trời đất. Dưới thì ông cũng quỳ lạy các thần ở chỗ dơ dáy, gò nổng, mả mồ. Dù chí thành như vậy, nhưng ông vẫn không mãn nguyện vì chưa sinh được con. Rồi đêm ngày buồn rầu lo lắng dần dần sinh bệnh. Ông nghĩ: “Hiện nay trong nhà ta của cải vô số, những châu báu hiếm có đều ở trong nhà ta. Thế mà không có con để nối dõi. Nếu chẳng may ta qua đời thì tất cả của cải này sẽ sung vào của công.” Nghĩ đến tương lai đau xót ấy, nhưng ông vẫn không biết tính sao. Nhưng may mắn thay, bệnh ông dần dần thuyên giảm. Ít lâu sau, vợ ông sinh được một đứa con trai, thân tướng khôi ngô ít có trên đời, mặt tươi như hoa đào, đầy đủ các tướng tốt. Cha mẹ thấy vậy vui mừng hớn hở. Ông mời bà con chòm xóm trong làng ăn uống vui chơi, đờn ca múa hát vui chơi suốt ngày. Sau đó, ngủ say như chết, không còn biết gì nữa cả. Lúc ấy, có cơn lũ lụt từ đâu tràn về dâng cao, nhận chìm chết hết, không còn ai sống sót. Lúc bấy giờ Đức Phật dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết, Ngài thấy rõ sự thành bại của vị trưởng giả kia. Nhân sự việc ấy, Ngài suy tìm tận ngọn ngành, muốn cho chúng sinh đời sau hiểu rõ sự việc một cách thông suốt, lại muốn nêu lên cái đáng khen thì được chính miệng thần của chư Phật Thế Tôn hiện tại, quá khứ khen tặng, cũng khiến chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Đức Phật liền nhóm họp đại chúng nói bài kệ: Sinh con mừng vui, Thương yêu không rời Kẻ say gặp lũ Phải bị chết chìm. Các thầy Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, vui mừng thực hành.

Có con, có của

Kẻ ngu miệt mài
Thân chẳng của ta
Nói gì con, của!
Ngu dại hết sức
Tự cho mình khôn
Ngu mà bảo khôn
Ấy là quá ngu.

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong giảng đường cao lớn bên cạnh ao Di hầu, thuộc thành Tỳ xá-ly.

Lúc ấy, ở đó có nhiều thanh niên bắn cung rất giỏi, họ bắn đầu các mũi tên dính thẳng vào nhau. Trong những người giỏi bắn tên, họ là những người tài giỏi nhất. Họ tự cậy vào dòng họ cao quý, đời không ai bằng. Họ cho rằng khắp nơi trong cõi Diêm-phù-lợi này không còn ai bằng họ. Cái chính đáng lo là người cha nghĩ rằng: “Ngày nay, trên đời không ai sánh bằng con ta, thì đâu có kẻ gian tặc nào dám khi dễ bọn ta”. Người con cũng suy nghĩ là: “Cha ta có nghề giỏi thì chắc chắn sẽ thắng mọi người”. Thế rồi, người nào cũng ỷ lại, cuối cùng thì không ai tự cứu mình được. Cái chết chợt đến thì lo chạy vạy khắp nơi. Cho nên có lời tụng rằng:

Ganh nhau dòng dõi mạnh
Nhìn nhau như anh em
Lúc thần chết đuổi dồn
Bị hại không đường trốn.

Thần chết có số loại
Bà con phải cứu nhau.
Chứa tiền của quá nhiều
Bị giặc cướp nhiễu hại.
Lửa cháy, dùng nước tắt
Lấy lọng che ánh sáng.
Giận lấy thuốc độc trừ
Bùa chú dẹp tà vạy.
Voi dữ dùng móc khiến
Chăn trâu lấy roi quất
Các việc này đều vui
Chết đến khó giữ được.
Thế lực vô thường
Không thể nương cậy
Biết chết mất mạng
Nhưng không giữ lâu
Tất cả đều hết
Kẻ không hiểu biết
Bị đời chê bai Trôi lăn các nẻo. Lúc ấy, những người thuộc dòng họ Thích trong nước Ca-tỳ-la-vệ nghe Đức Phật nói, họ biết tài nghề bắn cung của mình không ai địch nổi. Thế nên trong trận đánh nhau với vua Lưu Ly, họ đã bắn tên rất tài tình. Địch có người bị trụi hết lông mày, có kẻ không còn râu tóc, nhưng không bị thương tổn gì cả. Sau đó, vua Lưu Ly muốn rút quân về, các quan liền đến can ngăn: – Những người thuộc dòng họ Thích này vâng giữ Giới luật đều chứng đạo quả, tuy họ có tài bắn cung giỏi, nhưng họ không làm tổn hại ta. Lúc ấy vua Lưu Ly tiến quân tới, còn quân dòng họ Thích thì rút lui. Họ giữ chặt cửa thành, sai sứ đến thưa với Đức Phật: – Hôm nay tình thế nguy cấp lắm, vì vua Lưu Ly tấn công tới. Đức Thế Tôn bảo: – Nếu mở cửa thì sẽ bị tổn hại, còn đóng cửa thì không bị tổn hại gì! Khi vị sứ giả kia trở về tới chỗ dòng họ Thích rồi bèn bảo với họ là Đức Thế Tôn có dạy: “Nếu mở cửa thì bị vua Lưu Ly đánh phá giết hại, còn không mở cửa thì ông ta chẳng làm gì được”. Nghe lời ấy, các vị thuộc dòng họ Thích đóng chặt, canh gác nghiêm ngặt các cửa ra vào. Lúc đó vua Lưu Ly đóng quân ngoài cửa thành, bảo những người thuộc dòng họ Thích: – Hãy mở cửa thành cho mau, hai bên sẽ hòa thuận, không có việc giết hại nhau. Bên trong thành, những người dòng họ Thích, bị nghiệp đời trước kéo lôi nên họ đòi mở cửa, còn những người không có nợ đời trước thì đòi phải vâng lời Như Lai dạy là không được mở cửa. Trước đó, ở bên ngoài thành có tướng Xá Mã Thích, đã đánh nhau với vua Lưu Ly, giết chết bảy muôn người, khiển voi chĩa ngà đâm chết vô số chúng sinh. Tướng Xá Mã Thích bảo vua Lưu Ly: – Thằng con của nô tỳ hoàng gia sinh ra kia, ngươi chớ có rút lui! Để ta vào thành chuẩn bị chiến cụ sẽ đánh nữa. Lúc ấy nghe Xá Mã Thích đã giết hại quá nhiều người, những người dòng họ Thích trong thành liền cho người gọi Xá Mã Thích đến quở trách bảo phải ngưng tay: – Ngươi chẳng phải thuộc dòng họ Thích mà tự xưng họ Thích, làm

ô nhiễm dòng họ Thích, ngươi đã làm nhơ danh, vậy hãy ra khỏi nước, không được ở trong thành này. Hãy đi lẹ đi, chớ đứng đó! Lúc ấy Xá Mã Thích ra khỏi thành. Bấy giờ vua Lưu Ly thúc giục đòi mở cửa. Những người họ Thích có nợ đời trước mới bảo những người họ Thích kia: – Phải mau mở cửa thành để coi thằng con của nô tỳ hoàng gia sinh ra kia nó làm gì nào? Những người họ Thích không có nợ đời trước mới bảo với những người thuộc họ Thích kia: – Như Lai đã dạy là nếu mở cửa thì bị giết tất cả! Không mở cửa thành thì sẽ an toàn.

Lúc bấy giờ vua Lưu Ly lại thúc giục hãy mở cửa thành. Lúc ấy ông Thích Ma-ha-nam nói với vua Lưu Ly: – Cho tôi xin một điều, nếu cho phép thì tôi mới trình bày! Vua Lưu Ly bảo: – Ngươi cứ nói. Ta sẽ không trái lời. Lúc ấy ông Ma-ha-nam bước đến tâu vua: – Cho phép trong thời gian tôi lặn xuống sông thì xin vua hãy thả những người họ Thích ra, cho ai nấy được thoát nạn. Rồi ông Ma-ha-nam nhảy xuống sông, cột tóc mình vào gốc cây và chết chìm dưới đáy nước. Trong thời gian ấy, người họ Thích được thả cho chạy thoát. Sau đó vua Lưu Ly cho người lặn xuống tìm xem tại sao cậu Thích Ma-ha-nam lại ở lâu dưới nước như thế. Người lặn bèn xuống tìm, sau đó nổi lên thưa: – Ông Thích Ma-ha-nam đã chết dưới đáy nước. Lúc bấy giờ vua Lưu Ly đem bảy muôn người họ Thích đã chứng quả Tu-đà-hoàn ra chôn sống, rồi còn cho voi dậm đạp chết hết. Ấy là những người họ Thích có nợ đời trước, đành phải chịu chết, không cậy nhờ vào đâu được. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thanh niên Tỳ-xá-ly: – Hư không có thể trở thành đất, đất có thể trở thành hư không. Một khi nợ đời t rước đã chín muồi thì không trốn chạy đi đâu được. Nhân sự việc ấy, Đức Phật tìm hiểu tận ngọn nguồn, làm ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên ở trước đại chúng, Đức Thế Tôn nói bài kệ: Chẳng nhờ được con Chẳng nhờ cha anh Bị chết bức ngặt Chẳng nhờ được ai. Hàng tứ chúng nghe Đức Phật nói xong, vui mừng làm lễ rồi lui.

Điều đúng nên làm đúng
Làm đúng việc thành đúng
Mọi người tự mệt nhọc
Nào hay già chết đến.
Đói khát thiếu nước uống
Như nai khát chạy quàng
Bị thợ săn bắn trúng
Không nghĩ dứt ái dục.
Không tìm phương tiện hay
Phân tích thân hình này
Già chết bỗng chợt đến Không đến được Niết-bàn. Tất cả chúng sinh ý chí và hành động khác nhau, việc làm cũng khác nhau, nên việc tu căn lành cũng không đáng nói. Nhiều người chăm lo chuyện bên ngoài, không lo nội pháp, không lo mình sẽ chết, cứ tưởng ta sống hoài. Ngày xưa, ở nước Kế-tân có hai anh em nọ, một người xuất gia tu chứng quả A-la-hán, một người ở nhà trông coi gia nghiệp. Bấy giờ, người anh thường tới nhà em khuyên lơn, dạy bảo rằng: – Em nên bố thí, giữ giới, làm các việc lành, còn sống thì

được tiếng khen, sau khi chết thì sinh vào cõi tốt đẹp. Người em đáp: – Anh đã bỏ nhà làm Đạo sĩ, không lo việc quan, không nghĩ đến cha mẹ, vợ con, cũng không nghĩ đến tài sản gia nghiệp. Nếu như bị mắng nhiếc làm nhục cũng không buồn rầu. Khi có chuyện vui sướng thì cũng không mừng rỡ. Người anh nhiều lần khuyên lơn dạy bảo, nhưng người em vẫn không nghe lời. Về sau, người em mắc bệnh chết bất ngờ, bị đọa làm trâu, bị chủ bắt chở muối vào thành. Lúc ấy người anh là A-la-hán từ trong thành đi ra, liền đến bên con trâu mà nói kệ: Chở mang rất nặng nhọc Bước đi không biếng nhác Bị người đánh sai khiến Ngày nay bị khốn khổ. Xỏ mũi cột dây dàm Lưng ung nhọt ghẻ lở Bị ruồi nhặng bu chích Ngày nay bị khốn khổ. Ăn toàn là cỏ úa Uống nước mưa đọng sình Roi vọt chẳng rời mình Ngày nay bị khốn khổ. Đã làm thân súc sinh Phương cách nào thoát ra? Vậy hãy chuyên tâm niệm Tam-miệu-tam-bồ-đề. Nghe bài kệ ấy, con trâu buồn bã không vui. Người chủ liền hỏi Đạo nhân: – Ông nói gì mà khiến trâu tôi buồn bã như thế? Đạo nhân thưa: – Con trâu này vốn là em tôi. Nghe vậy, người chủ trâu thưa với đạo sĩ:

– Em ngài, xưa kia là chỗ rất thân thiết với tôi. Đạo nhân nói: – Ngày xưa em tôi còn mắc nợ của ông một đồng tiền muối. Bấy giờ, người chủ trâu bảo trâu: – Giờ đây, ta thả người, ngươi không còn phải làm việc cho ta nữa. Lúc đó con trâu liền nhảy xuống vực sâu, dốc lòng nghĩ đến Phật, sau khi chết nó được sinh lên cõi trời. Có những chúng sinh mê luyến cõi đời, đắm say của cải, không biết làm lành, nên sau khi chết đọa vào loài ngạ quỷ. Có những người xuất gia học đạo, cắt đứt ân ái, bỏ tám việc ở đời, tu tâm thanh tịnh. Giống như câu chuyện về thái tử và cô gái dòng Chiên-đà-la. Cô đeo chuỗi anh lạc, nhan sắc xinh đẹp như gái trời. Nhìn qua, thái tử muốn cưới làm vợ, nhưng vua cha bảo: – Theo luật pháp triều đình thì không được cưới người giai cấp khác, không được kết hôn với dân thường, luôn phải kết hôn với hàng trưởng giả, cư sĩ. Thái tử thưa với vua cha: – Nếu không cưới được cô gái ấy thì con sẽ tự sát, không thể sống trên cuộc đời này nữa. Nghe lời đó, giống như đang ăn mà bị mắc nghẹn, nuốt vào không được mà nhả ra cũng không xong, vua liền cho người đến nhà cô gái Chiên-đà-la, nói với cha mẹ cô ta: – Các người phải gả con gái cho thái tử. Bà mẹ cô gái nói: – Nếu thái tử bằng lòng theo thói quen của giai cấp chúng tôi là sát sinh thì tôi mới bằng lòng gả con gái cho. Sứ giả về tâu, vua bèn bảo thái tử: – Con phải làm việc sát sinh, bỏ cách sống hoàng gia mà sống theo thường dân. Vì sao lại phải sát sinh để cưới được cô gái ấy? Thái tử thưa: – Khi tâm đã tham muốn thì làm việc sát sinh không khó. Thái tử liền bỏ hoàng cung mà đến nhà sát sinh để xin cưới cô gái. Thái tử phải làm những công việc nặng nhọc như đốn củi, hái rau, mang gùi, quét dọn. Cứ làm thế trải qua thời gian khá lâu. Một lần, vị quan đại thần bậc nhất ra khỏi thành, trông thấy thái tử, ông hỏi: – Thái tử đã cưới được cô gái ấy chưa? Thái tử trả lời: – Bận rộn nhiều công việc, nên tôi quên mất cô gái, không còn nhớ nữa. Quan đại thần lại hỏi: – Xâu chuỗi ngọc anh lạc thơm ấy hiện giờ ở đâu?

Thái tử trả lời: – Tôi cũng quên mất, chẳng nhớ nó ở đâu. Quan đại thần thưa thái tử: – Chẳng những không cưới được vợ, cũng không được xâu chuỗi ngọc, lại mất cả ngôi vua, không đạt kết quả gì, giờ phải làm sao đây? Nghe vậy, thái tử rơi lệ, buồn bã không vui. Câu chuyện ngụ ngôn này, kể cho mọi người nghe ắt có lợi ích lâu dài. Còn có thái

tử, trưởng giả, cư sĩ xuất gia học đạo, làm các công đức, mong cầu chứng quả A-la-hán, gỡ mình ra khỏi mọi trói buộc ở đời, sống trong cõi dục mà vẫn không dính mắc vào dục, giải thoát kia đây, phân biệt vô minh trí tuệ giải thoát vô ngại, giải thoát thành tựu được thật nghĩa cao quý. Cha mẹ, anh em thường chê trách người xuất gia. Họ nói: – Trong loài người hèn kém nhất thì không gì hơn kẻ xuất gia. Đến từng nhà xin ăn cho đó là việc bình thường. Bị mọi người chế nhạo cười chê, đâu có gì đáng vui? Có lẽ người ta đã dùng bùa chú biến ngươi thành kẻ ăn xin, chi bằng làm người tại gia mà hưởng thú vui năm dục. Ta lập đàn bố thí cầu phước không mệt mỏi, cung cấp cả tương lai, quá khứ và hiện tại, ban phát cho người nghèo cùng thấp kém, cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, lữ khách đi xa. Bốn thứ cúng dường là y phục, thức uống ăn, giường nằm, thuốc men, ai cần áo mặc cho áo mặc, ai cần cơm ăn cho cơm ăn. Hương xông, tràng hoa, khăn tay, sáu món thường dùng trong nhà, đều cung cấp đầy đủ. Xuất gia rất cực khổ? Bấy giờ, những người học đạo bèn nói với bà con họ hàng: – Ý chí chúng tôi là muốn học đạo, không thích sống đời tại gia bị ràng buộc vào mọi chuyện đời. Bà con họ hàng bèn bảo: – Nếu không ưa thích cuộc sống thế tục thì cứ việc xuất gia. Rồi những người này bỏ nhà đi học đạo, nhưng họ lại học tập những điều không cốt yếu, không tu hành giáo theo chánh nghiệp, trải thời gian dài, bà con họ hàng đến thăm bèn hỏi: – Quý vị đã chứng quả A-la-hán chưa? Các Đạo nhân thưa: – Từ khi học đạo đến giờ, nay chúng tôi mới nghe danh từ A-la-hán. Người bà con lại hỏi: – Lìa bỏ ái dục, không chấp ngã chấp pháp, dứt bỏ vô minh, trí tuệ giải thoát, giải thoát vô ngại, thành tựu được thật nghĩa cao quý, những pháp đầy đủ vừa kể, các vị đạt tới hay chưa? Các Đạo nhân đáp: – Các pháp như thế, chúng tôi chưa đạt được. Tên các pháp ấy chúng tôi còn không biết huống gì là thực hành? Bà con họ hàng cùng hỏi:

– Tại sao các vị đã bỏ nhà, bỏ tài sản, bỏ cả bà con họ hàng, bỏ cả ân ái để đi xuất gia, nhưng lại tu học những pháp không phải chánh pháp, không khác gì người thế tục? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết thấy những lời đối đáp qua lại giữa những đạo sĩ và bà con họ hàng. Ngài biết những đạo sĩ kia học pháp tà, không tu theo chánh lý. Muốn đến giáo hóa họ, Ngài liền hiện đạo lực. Đức Phật nhân việc ấy, muốn tìm tới ngọn ngành, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Đức Thế Tôn ở trước hội chúng, nói bài kệ: Điều đúng nên làm đúng Làm đúng việc thành đúng Mọi người tự mệt nhọc Nào hay già chết đến. Lúc bấy giờ Tôn giả Mã Thanh lại nói bài kệ: Tắm gội trau chuốt thân Ngu khờ không tu thiện Cái chết bỗng nhiên đến Như mẹ bồng con chết. Người ta sống hơn thua, tranh nhau phải, trái, cứ làm theo thói tà, không thuận theo chánh pháp. Xưa, có hai vợ chồng nọ, chàng trai thì khôi ngô, nàng thì xinh đẹp, đủ các tướng tốt đẹp, các căn đều vắng lặng. Họ cùng kính yêu chiều chuộng nhau, không hề thỏa mãn. Như lời kinh chép thì: Hai vợ chồng bỗng nhiên bị mù mắt, không còn trông thấy nữa. Hai vợ chồng càng quyến luyến nhau sợ bị người lừa gạt. Chồng sợ mất vợ, vợ sợ mất chồng. Cả hai cùng ngồi bên nhau canh chừng cho nhau không rời xa giây lát. Lúc ấy bà con họ hàng đi khắp nơi tìm thầy về chữa bệnh cho họ. Thời gian sau, cả hai được sáng mắt ra. Chồng thấy nhan sắc vợ thay đổi, không giống như xưa, liền lên tiếng hỏi: – Ai đã làm thay đổi vợ tôi? Trong khi đó, vợ thấy dung mạo chồng

thay đổi, không giống như xưa, cũng lên tiếng hỏi: – Ai đã làm thay đổi chồng tôi? Bà con họ hàng bèn giải thích: – Dung mạo thời trẻ trung đổi thay trong từng ngày, khi ốm, sức tàn, da dùn, mặt nhăn, mỗi ngày mỗi khác. Thân hình đã già nua mà mong thấy lại sắc trẻ thiếu niên thì khác gì dùi nước đá mong lấy lửa, chẳng là sai lầm lắm ư? Sao hai người cứ kêu khóc mà không nhận ra nhau như thế? Soi vào gương thì thấy dung nhan thay đổi. Than ôi! Già đến nơi, sắc đẹp không dừng lâu. Oai dung tuyệt vời thì một mai đã khác. Không biết mà cứ lo lắng buồn rầu chỉ càng thêm khổ. Nhân việc này mà Tôn giả Đàm-ma-dã-thế-lợi nói bài tụng rằng: Giống như người ngủ mê

Trộm khoét tường lấy của
Của tiền mất nào biết
Biết rồi, tìm khắp nơi.
Ngu, ít học buông lung
Tự trầm trong ao tối
Không thấy trộm, mất của
Chống giặc già, không đức.
Cho nên nói: “Quen theo thói tà, trái đạo, mất pháp, bất chợt già chết đến.”
Bấy giờ, mọi người nghe lời ấy đều vui mừng ra về.
Cho nên tu thiền định Hết sinh, không nhiệt não Tỳ-kheo chán ma quân Từ đó, thoát sinh tử. Như Lai nói về: “Vô thường biến đổi, các Tỳ-kheo nghe đều chán ngán muốn lìa bỏ thân này, vì nó là gốc để gìn giữ các nhập.” Đức Thế Tôn dạy bảo truyền trao chánh nghiệp, tu tập chánh pháp, hoặc khi ở gò mả, dưới gốc cây, hay khi kinh hành ở chỗ trống, ngồi thiền tu định, chớ nên biếng trễ. Bây giờ không siêng năng, về sau ăn năn vô ích. Đó là giới cấm của Tỳ-kheo, cho nên nói rằng: Cho nên tu thiền định Hết sinh, không nhiệt não Từ sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng, Đức Phật bảo các Tỳ - kheo khi đi, đứng, nằm, ngồi, tới, lui, ngủ, thức, phải luôn nhớ nghĩ thực hành Tam-muội không xen hở. “Hết sinh, không nhiệt não” nghĩa là thân, miệng, ý không nóng bức, không bị lửa kết sử thiêu đốt, tinh tấn, mạnh mẽ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: – Đầu bị cháy, áo bị cháy phải đề phòng ra sao? Các Tỳ-kheo bạch Phật: – Cứu đầu, giữ áo là đề phòng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: – Không đúng. Như Lai nói là phải nhìn kỹ đầu và áo. Lại còn phải tìm cách dùng pháp lành để dứt bỏ pháp ác, phải dụng ý cho bền chắc. Đối với pháp lành, hoàn toàn không nên vượt qua đầu mối. “Hết sinh, không nhiệt não”: Sinh là tiếp tục còn đời sống, già, bệnh, chết vẫn còn sinh. Buồn rầu, khổ não, qua lại đều có sinh. Nên khi Phật nói phẩm Vô thường thì Tôn giả A-nan liền nói bài tụng: Ta nghe việc thuở nọ Như Lai nói Xuất Diệu Chúng sinh còn tăm tối Dùng lòng thương cứu giúp.

Nói vô thường thì bản thân câu nói, ý vị câu nói, câu văn nói, nghĩa của câu nói phải đầy đủ thì miệng nói mới không lầm lỗi. Câu “Nghe một thuở nọ”: Tôi ấm trì đều hết, có khả năng phân biệt tất cả. Chính từ mạng sống có thân hình mà chịu bao hoạn nạn. Tôi nghe Đức Phật nói sự việc một thuở nọ, như thế chuyên tâm không rối loạn, cũng không có ý niệm nào khác xen vào. Tìm cầu pháp lành căn bản để chỉ bày con đường cho chúng sinh ngu tối. Chúng sinh ở trên đời này giống như người bị mù bẩm sinh

không có mắt thì mở mắt cho họ được thấy, dùng tâm Đại từ nhổ sạch gốc khổ cho họ. Coi chúng sinh như cha mẹ, giảng nói ý nghĩa trên.

Phải hiểu cú nghĩa sâu Khéo trau dồi đạo đức Mới dứt được các khổ Đạt tới chỗ vô dư. Hoặc lấy nghĩa lý câu văn mà dứt bỏ kết sử, không lấy ý vị cũng như nguyên câu văn. Trong kinh Phật cũng nói: “Không tu tập vô lậu thì sao gọi là đúng chánh pháp, vô kết, trừ lậu, không sinh mà nói là sinh”. Đó không phải kinh Phật, hoặc tụng kinh Phật mà không dứt bỏ kết sử. Cho nên Đức Thế Tôn nói: “Phải hiểu cho sâu ý nghĩa câu văn.” Lúc bấy giờ, Tôn giả La-vân đến chỗ Đức Phật, lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, bạch Phật: – Bạch Thế Tôn, xin Như Lai nói pháp cho con nghe để dứt bỏ tâm hữu lậu mà mau chóng được giải thoát. Đức Thế Tôn bảo La-vân: – Thầy hãy suy nghĩ các bài về Nhân duyên tạp, sau đó tụng, tụng xong hãy trở lại chỗ Như Lai. Sau khi tụng Nhân duyên tạp tụng một cách nhuần nhuyễn, La-vân liền đến chỗ Phật, bạch với Phật rằng: – Bạch Đức Thế Tôn, con đã tụng Nhân duyên tạp tụng, nhưng tâm hữu lậu chưa giải thoát. Đức Phật bảo La-vân: – Thầy nên tụng Ngũ thạnh ấm tạp tụng. Vâng lời ấy, La-vân liền tụng Ngũ thạnh ấm. Lại nhân lúc khác, La-vân đến chỗ Đức Phật, bạch Phật: – Con tụng Ngũ thạnh ấm xong, nhưng tâm hữu lậu chưa giải thoát. Đức Phật bảo La-vân: – Ngươi hãy tụng Lục cánh lạc tạp tụng. Vâng lời dạy, La-vân tụng Lục cánh lạc. Thừa thì giờ, La-vân lại đến chỗ Đức Phật bạch

Phật: – Con đã tụng Lục cánh lạc, nhưng tâm hữu lậu chưa giải thoát. Bấy giờ Đức Phật bảo La-vân: – Thầy phải quán xét ý nghĩa của nó. Vâng lời dạy ấy, La-vân tự mình suy nghĩ rõ ràng ý nghĩa ấy, dần dần dứt hẳn kết sử, chứng quả A-la-hán. Ấy là nhờ phân biệt ý nghĩa, cho nên vượt thứ bậc mà chứng quả, dứt hữu lậu thành vô lậu. Do thế Tôn giả A-nan nói: – Nhờ hiểu sâu sắc ý nghĩa của câu, khéo trau dồi đạo đức, dùng chánh đạo cắt đứt kết sử, dứt bỏ bảy sử trói buộc, hết hẳn không còn sót, ấy gọi là Niết-bàn. Diệt hết, không còn sinh diệt, không còn dính mắc, dứt bỏ, được an ổn vui sướng. Cho nên nói khéo trau dồi đạo đức mới dứt các nỗi khổ. Khổ là khổ về sinh, về già, về bệnh, về chết, về thương yêu phải chia lìa, về oán ghét mà phải gặp nhau… được đến chỗ vô dư, vô dư là nghĩa bậc nhất, vô thượng, không có lỗi lầm.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.